ĐẠI HỌC HOA SEN

PHỤ LỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
KẾ HOẠCH HỌC TẬP ĐÚNG HẠN (4 NĂM)

(Trình độ tiếng Anh đầu vào EIC3)

Ngành: **MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG DỮ LIỆU**
Bậc: **ĐẠI HỌC**
Khóa: **2018-2022**

(Kế hoạch học tập xây dựng dựa trên Chương trình đào tạo ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu được ban hành theo quyết định số ...1737.../ĐHHS của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen, ký ngày..01/10/2018..)

HỌC KỲ 1

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	AV116DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 3	EIC3	5	105	Anh văn giao tiếp quốc tế 2
2	AV117DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 4	EIC4	5	105	Anh văn giao tiếp quốc tế 3
3	KHTQ101DV01	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	3	45	
4	KHTQ107DV01	Đại số tuyến tính	Linear Algebra	3	45	
5	TINV002DV01	Tin học dự bị	Microsoft Office - Level A	0	45	
Tổng cộng				**16**	**345**	

HỌC KỲ TẾT

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng tiết	Môn tiên quyết
1	DC004DV02	Giáo dục quốc phòng	-	0	165	
Tổng cộng				**0**	**165**	

Ghi chú: Đối với các trường hợp sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC1,2 sẽ học Giáo dục quốc phòng vào HỌC KỲ TẾT năm 2. Ngoài ra, môn học Giáo dục quốc phòng có thể được sắp xếp linh hoạt khác với kế hoạch này tùy điều kiện thực tế của nhà trường.

HỌC KỲ 2

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	AV210DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	5	105	Anh văn giao tiếp quốc tế 4
2	AV211DV01	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	5	105	Anh văn giao tiếp quốc tế 5
3	TIN130DV01	Nhập môn lập trình	Programming Fundamentals	3	45	
4	Môn tự chọn KHXH 1			3	45	-
5	KHTQ105DV01	Toán rời rạc	Discrete Mathematics	3	45	-
Tổng cộng				**19**	**345**	

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 3

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	TIN132DV01	Lập trình hướng đối tượng	Object Oriented Programming	3	60	TIN130DV01_Nhập môn lập trình
2	TIN209DV01	Cơ sở dữ liệu	Database Fundamentals	3	60	-
3	TIN131DV01	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structures and Algorithms	3	60	TIN130DV01_Nhập môn lập trình
4	MT120DV01	Hệ thống máy tính	Computer System	3	60	
5	KHTQ114DV01	Xác suất thống kê cho kỹ sư	Probability and Statistics for Engineers	3	45	
6	TIN104DV01	Thực hành công nghệ thông tin 1	Information Technology Practice 1	1	30	
7	Môn tự chọn GDTC 1			0	30	
8	Môn tự chọn KHXH 2			3	45	
Cộng				**19**	**390**	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 4

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	TIN210DV01	Hệ quản trị CSDL	Database Management Systems	3	60	TIN209DV01_Cơ sở dữ liệu
2	MT106DV01	Mạng máy tính cơ sở	Fundamentals of Computer Network	3	60	
3	MT221DV01	Lý thuyết hệ điều hành	Operating Systems Theory	3	60	MT120DV01_Hệ thống máy tính
4	DC107DV02	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	Fundamental Principles of Marxism and Leninism	5	75	
5	MT105DV01	Thực hành mạng 1	Computer Network Lab 1	1	30	
6	DC132DV01	Kỹ năng truyền thông	Communication Skills	3	45	
7		Tự chọn tự do 1 (*)		3	45	-
8	Môn Tự chọn GDTC 2			0	30	
Tổng cộng				**21**	**405**	

(*): ***Sinh viên được chọn 1 môn bất kì ngoài chương trình đào tạo mà học kỳ đó có mở lớp***

HỌC KỲ HÈ

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	MT250DV02	Thực tập nhận thức	Work Experience Internship	3	7 tuần	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở
Tổng cộng				**3**		

HỌC KỲ 5

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	DC105DV03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	2	30	DC107DV02_Những nguyên lí cơ bản của CNMLN
2	MT130DV01	Kỹ thuật truyền số liệu	Data Communications Engineering	3	60	-
3	MT141DV01	Kỹ thuật điện tử số	Digital Logic Systems	3	60	-
4	MT318DV01	Mạng máy tính nâng cao	Advances in Computer Network	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở
5	MT391DE01	Quản trị Microsoft 1	Microsoft Network Administration	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
6	MT206DV01	Thực hành mạng 2	Computer Network Lab 2	1	30	
7	Môn tự chọn KHXH 3			3	60	
8	Môn Tự chọn GDTC 3			0	30	
Tổng cộng				**18**	**390**	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ

HỌC KỲ 6

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	DC108DV02	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	Vietnamese Communist Party's Revolutionary Course	3	45	DC105DV03_Tư tưởng HCM
2	MT320DV01	Điện toán đám mây	Cloud Computing	3	60	
3	MT281DE01	Cơ sở an ninh mạng	Fundamentals of Network Security	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
4	MT392DE01	Quản trị Linux 1	Unix/Linux Network Administration	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5
5	MT317DV01	Thực hành mạng 3	Computer Network Lab 3	1	30	MT206DV01 - Thực hành mạng 2
6	Môn Tự chọn GDTC 4			0	45	
7,8	**Tự chọn bắt buộc 1,2 (Chọn 2 trong các môn sau):**			6	120	
	MT491DV01	*Quản trị Microsoft 2*	*Advanced Microsoft Network Administration*	*3*	*60*	*MT391DE01_Quản trị Microsoft 1*

	MT492DV01	*Quản trị Linux 2*	*Advanced Unix/Linux Network Administration*	*3*	*60*	*MT392DE01_Quản trị Linux 1*
	MT232DE01	*Lập trình mạng*	*Network Programming*	*3*	*60*	*MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*
	MT383DV01	*CEH1*	*Certified Ethical Hacker (CEH) 1*	*3*	*60*	*MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở*
	MT319DV01	*An ninh mạng nâng cao*	*Advanced Network Security*	*3*	*60*	*MT281DE01_Cơ sở an ninh mạng*
	MT240DV01	*Hệ thống nhúng*	*Embedded Systems*	*3*	*60*	*MT141DV01_Kỹ thuật điện tử số*
	MT245DV01	*Lập trình nhúng*	*Embedded System Programming*	*3*	*60*	*MT141DV01_Kỹ thuật điện tử số*
	MT333DV01	*Định tuyến liên mạng*	*Internetworking Routing*	*3*	*60*	*MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở*
	MT435DV01	*Thiết bị và quản trị lưu thông mạng*	*Network Devices and Traffic Management*	*3*	*60*	*MT291DV01_Phân tích thiết kế hệ thống mạng*
Tổng cộng				**19**	**420**	

HỌC KỲ HÈ: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 7

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	MT291DV01	Phân tích thiết kế hệ thống mạng	Network Analysis & Design	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở
2	MT335DV02	Mạng truyền thông không dây	Wireless Communications Networks	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở
3	MT231DV01	Công nghệ Internet	Internet Technologies	3	60	MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở
4	MT330DV01	Đồ án hướng ngành	System Engineering-Project A	2	0	MT231DV01_Công nghệ Internet MT281DV01_Cơ sở an ninh mạng
5	MT323DV01	Thực hành mạng 4	Computer Network Lab 4	1	30	MT206DV01 - Thực hành mạng 2
6		Tự chọn tự do 2 (*)		3	45	
7,8	**Tự chọn bắt buộc 3 (Chọn 1 trong các môn sau):**			3	60	
	MT491DV01	*Quản trị Microsoft 2*	*Advanced Microsoft Network Administration*	*3*	*60*	*MT391DE01_Quản trị Microsoft 1*
	MT492DV01	*Quản trị Linux 2*	*Advanced Unix/Linux Network Administration*	*3*	*60*	*MT392DE01_Quản trị Linux 1*
	MT232DE01	*Lập trình mạng*	*Network Programming*	*3*	*60*	*MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở AV210DV01_Anh văn giao tiếp quốc tế 5*
	MT383DV01	*CEH1*	*Certified Ethical Hacker (CEH) 1*	*3*	*60*	*MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở*
	MT319DV01	*An ninh mạng nâng cao*	*Advanced Network Security*	*3*	*60*	*MT281DE01_Cơ sở an ninh mạng*
	MT240DV01	*Hệ thống nhúng*	*Embedded Systems*	*3*	*60*	*MT141DV01_Kỹ thuật điện tử số*
	MT245DV01	*Lập trình nhúng*	*Embedded System Programming*	*3*	*60*	*MT141DV01_Kỹ thuật điện tử số*
	MT333DV01	*Định tuyến liên mạng*	*Internetworking Routing*	*3*	*60*	*MT106DV01_Mạng máy tính cơ sở*
	MT435DV01	*Thiết bị và quản trị lưu thông mạng*	*Networking Devices and Traffic Management*	*3*	*60*	*MT291DV01_Phân tích thiết kế hệ thống mạng*
Tổng cộng				**18**	**315**	

HỌC KỲ TẾT: SV có thể học vượt, trả nợ hoặc nghỉ hè

HỌC KỲ 8

Stt	MSMH	Tên môn học tiếng Việt	Tên môn học tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	MT499DV01	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
2	MT498DV01	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	9		Theo QĐ về KLTN, ĐATN, TTTN
Tổng cộng				**9**		

HỌC KỲ HÈ (21.2B): Hết lộ trình mẫu - SV có thể trả nợ hoặc nghỉ tết

Ghi chú:

Đối với các Kế hoạch học tập cho sinh viên có trình độ tiếng Anh đầu vào EIC1,2,4,5,6, các môn tiếng Anh được sắp xếp theo quy định học và chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với các ngành không chuyên ngữ (áp dụng từ Khóa 2018), các môn học khác được sắp xếp tương tự như Kế hoạch này.

- Tổng số tín chỉ: **142**

Ngày 14 tháng 9 năm 2018
Điều phối chương trình

Ngô Viết Phương

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT TỰ CHỌN - KHÓA 2018

Stt	MSMH	Tên môn học bằng tiếng Việt	Tên môn học bằng tiếng Anh	Tín chỉ	Tổng số tiết	Môn tiên quyết
1	DC034DV01	Cơ thể học vận động	Body movement	0	45	-
2	DC065DV01	Bóng đá 1	Soccer 1	0	30	-
3	DC066DV01	Bóng đá 2	Soccer 2	0	30	DC065DV01_Bóng đá 1
4	DC036DV01	Bóng đá 3	Soccer 3	0	30	DC066DV01_Bóng đá 2
5	DC049DV01	Bóng đá 4	Soccer 4	0	45	DC036DV01_Bóng đá 3
6	DC069DV01	Bóng rổ 1	Basketball 1	0	30	
7	DC070DV01	Bóng rổ 2	Basketball 2	0	30	DC069DV01_Bóng rổ 1
8	DC038DV01	Bóng rổ 3	Basketball 3	0	30	DC070DV01_Bóng rổ 2
9	DC051DV01	Bóng rổ 4	Basketball 4	0	45	DC038DV01_Bóng rổ 3
10	DC067DV01	Bóng bàn 1	Table tennis 1	0	30	-
11	DC068DV01	Bóng bàn 2	Table tennis 2	0	30	DC067DV01_Bóng bàn 1
12	DC042DV01	Bóng bàn 3	Table tennis 3	0	30	DC068DV01_Bóng bàn 2
13	DC055DV01	Bóng bàn 4	Table tennis 4	0	45	DC042DV01_Bóng bàn 3
14	DC057DV01	Karatedo 1	Karatedo 1	0	30	-
15	DC058DV01	Karatedo 2	Karatedo 2	0	30	DC057DV01_Karatedo 1
16	DC059DV01	Karatedo 3	Karatedo 3	0	30	DC058DV01_Karatedo 2
17	DC043DV01	Karatedo 4	Karatedo 4	0	45	DC059DV01_Karatedo 3
18	DC060DV01	Vovinam 1	Vovinam 1	0	30	-
19	DC061DV01	Vovinam 2	Vovinam 2	0	30	DC060DV01_Vovinam 1
20	DC062DV01	Vovinam 3	Vovinam 3	0	30	DC061DV01_Vovinam 2
21	DC045DV01	Vovinam 4	Vovinam 4	0	45	DC062DV01_Vovinam 3
22	DC063DV01	Bóng chuyền 1	Volley Ball 1	0	30	-
23	DC064DV01	Bóng chuyền 2	Volley Ball 1	0	30	DC063DV01_Bóng chuyền 1
24	DC022DV02	Bóng chuyền 3	Volley Ball 3	0	30	DC064DV01_Bóng chuyền 2
25	DC047DV01	Bóng chuyền 4	Volley Ball 4	0	45	DC022DV02_Bóng chuyền 3
26	DC074DV01	Cầu lông 1	Badminton 1	0	30	-
27	DC075DV01	Cầu lông 2	Badminton 2	0	30	DC074DV01_Cầu lông 1
28	DC076DV01	Cầu lông 3	Badminton 3	0	30	DC075DV01_Cầu lông 2
29	DC077DV01	Cầu lông 4	Badminton 4	0	45	DC076DV01_Cầu lông 3
30	DC079DV01	Taekwondo 1	Taekwondo 1	0	30	
31	DC080DV01	Taekwondo 2	Taekwondo 2	0	30	DC079DV01_Taekwondo 1
32	DC081DV01	Taekwondo 3	Taekwondo 3	0	30	DC080DV01_Taekwondo 2
33	DC082DV01	Taekwondo 4	Taekwondo 4	0	45	DC081DV01_Taekwondo 3
1	DC034DV01	Cơ thể học vận động	Body movement	0	45	-
2	DC065DV01	Bóng đá 1	Soccer 1	0	30	-
3	DC066DV01	Bóng đá 2	Soccer 2	0	30	DC065DV01_Bóng đá 1
4	DC036DV01	Bóng đá 3	Soccer 3	0	30	DC066DV01_Bóng đá 2
5	DC049DV01	Bóng đá 4	Soccer 4	0	45	DC036DV01_Bóng đá 3
6	DC069DV01	Bóng rổ 1	Basketball 1	0	30	
7	DC070DV01	Bóng rổ 2	Basketball 2	0	30	DC069DV01_Bóng rổ 1
8	DC038DV01	Bóng rổ 3	Basketball 3	0	30	DC070DV01_Bóng rổ 2
9	DC051DV01	Bóng rổ 4	Basketball 4	0	45	DC038DV01_Bóng rổ 3
10	DC067DV01	Bóng bàn 1	Table tennis 1	0	30	-
11	DC068DV01	Bóng bàn 2	Table tennis 2	0	30	DC067DV01_Bóng bàn 1
12	DC042DV01	Bóng bàn 3	Table tennis 3	0	30	DC068DV01_Bóng bàn 2
13	DC055DV01	Bóng bàn 4	Table tennis 4	0	45	DC042DV01_Bóng bàn 3
14	DC057DV01	Karatedo 1	Karatedo 1	0	30	-
15	DC058DV01	Karatedo 2	Karatedo 2	0	30	DC057DV01_Karatedo 1
16	DC059DV01	Karatedo 3	Karatedo 3	0	30	DC058DV01_Karatedo 2
17	DC043DV01	Karatedo 4	Karatedo 4	0	45	DC059DV01_Karatedo 3
18	DC060DV01	Vovinam 1	Vovinam 1	0	30	-
19	DC061DV01	Vovinam 2	Vovinam 2	0	30	DC060DV01_Vovinam 1
20	DC062DV01	Vovinam 3	Vovinam 3	0	30	DC061DV01_Vovinam 2
21	DC045DV01	Vovinam 4	Vovinam 4	0	45	DC062DV01_Vovinam 3
22	DC063DV01	Bóng chuyền 1	Volley Ball 1	0	30	-
23	DC064DV01	Bóng chuyền 2	Volley Ball 1	0	30	DC063DV01_Bóng chuyền 1
24	DC022DV02	Bóng chuyền 3	Volley Ball 3	0	30	DC064DV01_Bóng chuyền 2
25	DC047DV01	Bóng chuyền 4	Volley Ball 4	0	45	DC022DV02_Bóng chuyền 3
26	DC074DV01	Cầu lông 1	Badminton 1	0	30	-
27	DC075DV01	Cầu lông 2	Badminton 2	0	30	DC074DV01_Cầu lông 1
28	DC076DV01	Cầu lông 3	Badminton 3	0	30	DC075DV01_Cầu lông 2
29	DC077DV01	Cầu lông 4	Badminton 4	0	45	DC076DV01_Cầu lông 3

30	DC079DV01	Taekwondo 1	Taekwondo 1	0	30	
31	DC080DV01	Taekwondo 2	Taekwondo 2	0	30	DC079DV01_Taekwondo 1
32	DC081DV01	Taekwondo 3	Taekwondo 3	0	30	DC080DV01_Taekwondo 2
33	DC082DV01	Taekwondo 4	Taekwondo 4	0	45	DC081DV01_Taekwondo 3